

Số: 1759 /VD-VTTBYT
V/v Yêu cầu báo giá TTBYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: KS. Nguyễn Anh Đức, Nhân viên Phòng Vật tư- Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Số 40 – Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội, Số điện thoại: 035 635 4793.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư- Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email:

vietchospatialmuasam@gmail.com

phongvattu.bvhnd@gmail.com

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo hai hình thức trên. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ **Số hiệu văn bản YCBG** trong nội dung email)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 06 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét (chi tiết mẫu báo giá tại phụ lục 2 kèm công văn này).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế:

Stt	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1.	Máy xử lý mô tự động loại đứng, công suất $\geq$ 500 mẫu/ lần	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	02	Hệ thống

Stt	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
2.	Máy cắt tiêu bản lạnh	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	02	Cái
3.	Máy đúc bệnh phẩm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	01	Cái
4.	Máy cắt lát vi thể	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	01	Cái
5.	Kính hiển vi quang học $\geq$ 5 người xem có camera	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	01	Cái
6.	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	07	Cái

• Ghi chú:

➤ Hàng hóa phải ghi rõ phần giá trị thuế VAT áp dụng cho sản phẩm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm toàn bộ quá trình bàn giao, chạy thử, nghiệm thu hợp đồng). Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

4.1 Tạm ứng: Bên Mua sẽ tạm ứng trước tối đa 30% giá trị hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và bên bán đã nộp bảo lãnh tiền tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng theo hình thức bảo đảm của ngân hàng hoặc tùy theo kế hoạch vốn được bố trí;

4.2 Số lần thanh toán: 02 (hai) lần

a) Lần 1: Bên Mua sẽ tạm ứng trước 30% giá trị hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và bên bán đã nộp bảo lãnh tiền tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng theo hình thức bảo đảm của ngân hàng.

b) Lần 2: Số tiền còn lại của hợp đồng sẽ được thanh toán nốt trong vòng 90 ngày kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu thiết bị, thanh lý hợp đồng và bên bán nộp bảo lãnh bảo hành bằng 3% giá trị hợp đồng theo hình thức bảo đảm của ngân hàng.

(Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế)

5. Các thông tin khác:

5.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;
- Đối với hàng hóa là thiết bị y tế: cung cấp tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực;
- Báo giá (theo mẫu đính kèm).
- Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến thiết bị.
- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
- Hợp đồng mua bán thiết bị tương tự (nếu có).

5.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT



★ Hoàng Bảo Anh

PHỤ LỤC 01. BẢNG MÔ TẢ

(Kèm theo công văn số: 1759 /VĐ-VTTBYT ngày 18 tháng 3 năm 2026)

Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

1. Máy xử lý mô tự động loại đứng, công suất ≥ 500 mẫu/lần

I	YÊU CẦU CHUNG	
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Mới 100%	
	+ Nhà sản xuất thiết bị chính đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	
	+ Thiết bị chính đạt tiêu chuẩn CE - IVD (European Conformity) hoặc FDA (Food and Drug Administration);	
	- Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz	
	- Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$	
	+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$	
	- Yêu cầu xuất xứ máy chính: Ưu tiên thiết bị sản xuất tại Nhóm các nước G7 hoặc Liên minh Châu Âu hoặc OECD;	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH	Số lượng
	Máy xử lý mô tự động loại đứng, công suất ≥ 500 mẫu/lần kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 02 Hệ thống
	Cấu hình mỗi hệ thống tối thiểu bao gồm:	
1	Thiết bị chính	
	- Thân máy chính kèm màn hình hiển thị các chương trình xử lý mẫu	: 01 Cái
	- Giỏ đựng cassette	: 03 Cái
	- Bình chứa dung dịch hóa chất	: 15 Bình
	- Bình (bể) chứa paraffin	: 04 Cái
	- Bộ lọc than hoạt tính	: 01 Bộ
	- Dung dịch Formalin	: 10 Lít
	- Xylene sinh học	: 10 Lít
	- Paraffin	: 10 kg
	- Cassette kèm theo nắp	: 1000 Cái
	- Lọc than hoạt tính	: 01 Cái
	- Dụng cụ tháo lắp	: 01 Bộ
2	Thiết bị phụ trợ	
	- Bộ lưu điện kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 01 Bộ
3	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 Bộ
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	
1	Tính năng chung	
	- Là hệ thống xử lý mô liên tục loại tủ đứng, có hút chân không, chạy được ≥ 2 chương trình cùng lúc ;	

	- Phương thức trộn dung môi : bằng thanh khuấy từ hoặc tương đương
	- Công suất xử lý mẫu : ≥ 500 mẫu (Casette)/lần
	- Có màn hiển thị
	- Cho phép cài đặt chạy nhiều kiểu chương trình khác nhau theo thời gian.
	- Có điều chỉnh nhiệt độ cho mỗi trạm hoặc mỗi bước quy trình ;
	- Có chức năng dừng chương trình ngay lập tức.
	- Hệ thống hút chân không : Có chọn lựa áp suất và chân không trong quá trình hoạt động.
2	Đặc tính kỹ thuật
	- Thể tích chứa của bình đựng hóa chất hoặc bể xử lý mô : Tối đa ≥ 5 lít
	- Số bể chứa sáp (Paraffin): ≥ 04 bể.
	- Trạm/bình đựng hóa chất : ≥ 15 trạm
	- Cài đặt nhiệt độ bình chứa paraffin : Tối thiểu $\leq 55^{\circ}\text{C}$, và đến tối đa $\geq 70^{\circ}\text{C}$
	- Cài đặt nhiệt độ bể xử lý mô hoặc bình chứa hóa chất (thuốc thử) : Tối thiểu $\leq 40^{\circ}\text{C}$, và tối đa đến $\geq 60^{\circ}\text{C}$
	- Có bộ lọc than hoạt tính (hoặc bộ lọc car-bon) ;
	- Có cổng kết nối máy in hoặc xuất dữ liệu
3	Bộ lưu điện
	- Công suất tối đa : ≥ 1.5 kVA
IV	YÊU CẦU KHÁC
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức – Cơ sở 1
	- Có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.
	- Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Cam kết có khả năng cung cấp giấy phép bán hàng hoặc giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của

	đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương trong trường hợp được xem xét trúng thầu và ký hợp đồng.
	- Yêu cầu về bảo hành:
	+ Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa;
	+ Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức;
	+ Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi);
	+ Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo);
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất ≥ 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian thực hiện: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Máy cắt tiêu bản lạnh

I YÊU CẦU CHUNG		
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Hàng mới 100%,	
	+ Nhà sản xuất thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	
	+ Thiết bị đạt tiêu chuẩn CE - IVD (European Conformity) hoặc FDA (Food and Drug Administration);	
	- Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz	
	- Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$	
	+ Độ ẩm tối đa $\geq 60\%$	
	- Yêu cầu xuất xứ: Ưu tiên thiết bị sản xuất tại Nhóm các nước G7	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH	Số lượng
	Máy cắt tiêu bản lạnh kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 02 Cái
	Cấu hình tối thiểu mỗi cái bao gồm:	
	- Thân máy chính	: 01 Cái
	- Bộ phận làm lạnh nhanh Peltier (hoặc tương đương)	: 01 Cái
	- Hệ thống khử trùng bằng đèn UV hoặc Ozone	: 01 Cái
	- Ngâm kẹp mẫu vật	: 01 Cái
	- Bộ phận giữ lưỡi dao cắt	: 01 Cái
	- Lưỡi dao dùng một lần	: 50 Cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 Bộ
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	
1	Tính năng chung:	
	- Là máy cắt lạnh tự động (có cắt bằng động cơ), có hệ thống làm lạnh nhanh độc lập và thiết kế cửa bên trên.	
	- Có bộ làm mát vật thể ;	
	- Buồng cắt được chiếu sáng bằng đèn LED.	
	- Có cắt chuyển động bằng vô lăng hoặc bánh quay, có nút chỉnh độ dày mẫu cắt nằm bên ngoài buồng lạnh ;	
	- Có hệ thống thoát nước ngưng tụ vào bình chứa. Bình chứa tháo lắp được từ bên ngoài.	
	- Có hệ thống khử trùng bằng đèn UV hoặc Ozone ;	
	- Có hệ thống xả (rã) đông tự động	
	- Có hệ thống lọc không khí buồng trước khi thải ra môi trường ngoài ;	
	- Có hệ thống hút chân không, điều chỉnh được cường độ của lực hút ;	
	- Cửa gia nhiệt trượt đóng-mở.	

2	Đặc tính kỹ thuật
	- Bộ làm lạnh mẫu :
	+ Vị trí làm lạnh : Có ≥ 15 vị trí làm lạnh, nhiệt độ làm lạnh : Tối thiểu $\leq -35^{\circ}\text{C}$;
	+ Vị trí làm lạnh nhanh : Có ≥ 2 vị trí lạnh nhanh, nhiệt độ làm lạnh nhanh : Tối thiểu $\leq -55^{\circ}\text{C}$;
	- Có tùy chỉnh :
	+ Các trị số nhiệt độ buồng cắt,
	+ Bề dày cắt thô & cắt tinh,
	+ Chu kỳ xả đông,
	+ Khoảng dịch chuyển mẫu vật.
	- Độ mỏng nhất cắt:
	+ Độ mỏng chính tinh :
	• Tối thiểu $\leq 1\text{ }\mu\text{m}$, và tối đa $\geq 99\text{ }\mu\text{m}$,
	• Bước chỉnh mỗi nấc : tối thiểu $\leq 0.5\text{ }\mu\text{m}$;
	+ Độ mỏng chỉnh thô :
	• Tối thiểu $\leq 5\text{ }\mu\text{m}$, và tối đa $\geq 500\text{ }\mu\text{m}$
	• Bước chỉnh mỗi nấc : tối thiểu $\leq 5\text{ }\mu\text{m}$;
	- Tốc độ cắt : cài đặt được, tối đa $\geq 300\text{mm/giây}$ (hoặc ≥ 90 lát cắt/phút)
	- Có chức năng lùi mẫu vật : Tối đa $\geq 20\text{ }\mu\text{m}$;
	- Hành trình di chuyển mẫu :
	+ Ngang : $\geq 25\text{mm}$;
	+ Đứng: $\geq 50\text{mm}$;
	- Tính năng an toàn :
	+ Chức năng dừng tay quay ;
	+ Bộ phận bảo vệ ngón tay cho giá đỡ dao và lưỡi dao
	+ Có ≥ 2 tấm chống lật ;
IV	YÊU CẦU KHÁC
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
	- Có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.
	- Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-

	BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Cam kết có khả năng cung cấp giấy phép bán hàng hoặc giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương trong trường hợp được xem xét trúng thầu và ký hợp đồng.
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi) + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo)
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian thực hiện: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

3. Máy đúc bệnh phẩm

I	YÊU CẦU CHUNG	
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Hàng mới 100%,	
	+ Nhà sản xuất thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	
	+ Thiết bị đạt tiêu chuẩn CE- IVD (European Conformity) hoặc FDA (Food and Drug Administration);	
	- Nguồn điện sử dụng: 220VAC/50Hz	
	- Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa $\geq 25^{\circ}\text{C}$	
	+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH	SỐ LƯỢNG
	Máy đúc bệnh phẩm kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 01 Cái
	Cấu hình bao gồm:	
	- Thân máy chính kèm màn hình	: 01 Cái
	- Khối làm lạnh	: 01 Cái
	- Khối đun nóng	: 01 Cái
	- Khuôn đúc	: 10 Cái
	- Dụng cụ cắt gọt sáp thừa	: 01 Bộ
	- Dây nguồn kèm theo	: 01 Cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng của Hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 Bộ
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	
	- Máy đúc mô gồm ≥ 2 khối riêng biệt : Đun nóng và làm lạnh	
	- Có màn hình hiển thị, loại cảm ứng, kích thước (đường chéo) : ≥ 5 inch	
	- Cài đặt được thời gian ;	
	- Khối nóng:	
	+ Bình chứa paraffin thể tích ≥ 4.0 lít	
	+ Nhiệt độ điều chỉnh : Tối đa đến $\geq 70^{\circ}\text{C}$	
	+ Có khay chứa cassette hoặc khuôn đúc kèm nắp	
	+ Khả năng chứa cassette tối đa : ≥ 300 cassette	
	+ Khả năng chứa khuôn đúc tối đa : ≥ 300 khuôn đúc	
	- Khối làm lạnh:	
	+ Nhiệt độ làm lạnh điều chỉnh : Tối thiểu $\leq - 5^{\circ}\text{C}$	
	+ Khả năng chứa khối nén tối đa : ≥ 65 khối nén (block)	
	- An toàn :	
	+ Thiết kế theo tiêu chuẩn an toàn về điện IEC-61010 hoặc EN 61010 hoặc tương đương trở lên.	
IV	YÊU CẦU KHÁC	
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện	
	- Có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.	

	- Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Cam kết có khả năng cung cấp giấy phép bán hàng hoặc giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương trong trường hợp được xem xét trúng thầu và ký hợp đồng.
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi) + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo)
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất ≥ 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian thực hiện: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Máy cắt lát vi thể

I	YÊU CẦU CHUNG	
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Hàng mới 100%,	
	+ Nhà sản xuất thiết bị chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	
	+ Thiết bị chính đạt tiêu chuẩn CE- IVD (European Conformity) hoặc FDA (Food and Drug Administration);	
	- Nguồn điện sử dụng: loại 220VAC/50Hz	
	- Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$	
	+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH	Số lượng
	Máy cắt lát vi thể kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 01 Cái
	Cấu hình tối thiểu bao gồm:	
	- Thân máy chính	: 01 Cái
	- Bộ điều khiển	: 01 Bộ
	- Giá mang dao	: 01 Cái
	- Lưỡi dao loại sử dụng 1 lần	: 50 Cái
	- Khay đựng chất thải	: 01 Cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng của Hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 Bộ
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	
1	Tính năng chung	
	- Là máy cắt lát vi thể (tiêu bản) loại bán tự động sử dụng mô-tơ, có quay tay.	
	- Có hiển thị các thông số cơ bản:	
	+ Độ dày lát cắt/độ dày gọt tia	
	+ Tổng số lát cắt	
	- Có bộ điều khiển riêng tách rời với thân máy, có cài đặt các chức năng cơ bản:	
	+ Độ dày cắt lát/độ dày gọt mẫu;	
	+ Dẫn tiến thô bằng điện:	
	• lùi nhanh/ tiến nhanh;	
	• lùi chậm/ tiến chậm;	
	- Có ≥ 02 hệ thống khóa tay quay độc lập	
	- Có chức năng ghi nhớ vị trí, có thể lập trình (hoặc cài đặt) được.	
2	Đặc tính kỹ thuật	
	- Kích thước vật thể (mẫu): Tối đa $\geq 50 \times 50 \text{ mm}$	
	- Độ dày cắt tinh điều chỉnh được :	

	+ Dài độ dày : Tối thiểu $\leq 0.5\mu\text{m}$, và tối đa đến $\geq 100\mu\text{m}$.
	+ Lựa chọn bước tăng : Tối thiểu $\leq 0.5\mu\text{m}$, và tối đa đến $\geq 10.0\mu\text{m}$.
	- Độ dày cắt tia (cắt thô) điều chỉnh được :
	+ Dài độ dày : Tối thiểu từ $\leq 1.0\mu\text{m}$, và tối đa đến $\geq 500\mu\text{m}$
	+ Lựa chọn bước tăng : Tối thiểu $\leq 5.0\mu\text{m}$, và tối đa đến $\geq 50.0\mu\text{m}$.
	- Khoảng di chuyển mẫu :
	+ Theo chiều ngang : Tối đa $\geq 20\text{mm}$
	+ Theo chiều dọc : Tối đa $\geq 60\text{mm}$
	- Khoảng lùi mẫu : Tối đa $\geq 40\mu\text{m}$, điều chỉnh được hoặc có thể tắt
	- Nạp mẫu dẫn tiến thô bằng điện :
	+ Tốc độ tiến chậm/lùi chậm : $\leq 400\mu\text{m/s}$
	+ Tốc độ tiến nhanh : Tối đa $\geq 800\mu\text{m/s}$
	+ Tốc độ lùi nhanh : Tối đa $\geq 1200\mu\text{m/s}$
	- Vô lăng dẫn tiến thô xoay được ngược và xuôi theo chiều kim đồng hồ;
IV	YÊU CẦU KHÁC
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức;
	- Có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.
	- Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Cam kết có khả năng cung cấp giấy phép bán hàng hoặc giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương trong trường

	hợp được xem xét trúng thầu và ký hợp đồng.
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức – Cơ sở 2; + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi) + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo)
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất ≥ 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian thực hiện: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

5. Kính hiển vi quang học ≥ 5 người xem có camera

I YÊU CẦU CHUNG	
- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
- Chất lượng:	
+ Mới 100%	
+ Nhà sản xuất thiết bị chính đạt các tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	
+ Thiết bị chính đạt tiêu chuẩn CE (European Conformity) hoặc FDA (Food and Drug Administration);	
- Nguồn điện sử dụng: 220VAC/50Hz	
- Môi trường hoạt động:	
+ Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$	
+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$	
- Yêu cầu xuất xứ: Ưu tiên thiết bị sản xuất tại Nhóm các nước G7	
II YÊU CẦU CẤU HÌNH	Số lượng
Kính hiển vi quang học ≥ 05 người xem có camera kèm phụ kiện tiêu chuẩn,	: 01 Cái
Cấu hình tối thiểu gồm:	
1 Thiết bị chính:	
- Thân kính hiển vi kèm nguồn ánh sáng truyền qua đèn LED	: 01 Cái
- Đầu quan sát 2 mắt có cổng kết nối camera	: 01 Bộ
- Mâm gắn vật kính	: 01 Cái
- Thị kính 02 mắt, loại 10X	: 01 Bộ
- Vật kính phẳng tiêu sắc	: 01 Bộ
Bao gồm:	
+ Vật kính phẳng tiêu sắc loại 4X hoặc 5X	: 01 Cái
+ Vật kính phẳng tiêu sắc loại 10X	: 01 Cái
+ Vật kính phẳng tiêu sắc loại 20X	: 01 Cái
+ Vật kính phẳng tiêu sắc loại 40X	: 01 Cái
+ Vật kính phẳng tiêu sắc loại 100X, dầu	: 01 Cái
- Tụ quang	: 01 Cái
- Bàn để mẫu kèm theo bộ phận dịch chuyển mẫu X-Y	: 01 Cái
- Túi che bụi	: 01 Cái
- Dây điện nguồn	: 01 Cái
- Lọ dầu soi	: 01 Lọ
- Phụ kiện dùng cho ≥ 4 người cùng quan sát, kiểu bên	
Bao gồm:	

	+ Chân đế dùng cho các quan sát viên kiểu bên	: 02 Cái
	+ Ống nối cho người quan sát phụ	: 02 Cái
	+ Đầu quan sát 2 mắt	: 04 Cái
	+ Thị kính loại 10X	: 08 Cái
2	Thiết bị phụ trợ, bao gồm	
	- Bộ Camera	: 01 Bộ
	- Bộ Adapter cho camera	: 01 Bộ
	- Bộ máy tính để bàn (kèm màn hình, chuột, bàn phím)	: 01 Bộ
3	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 bộ
III CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		
1	Hệ quang học:	
	- Là loại kính hiển vi quang học có hệ thống quang học vô tiêu hoặc vô cực;	
	- Độ dài tiêu cự vật kính : $\leq 50\text{mm}$	
2	Hệ chiếu sáng:	
	- Hệ thống chiếu sáng truyền qua đèn LED;	
	- Điều chỉnh được cường độ sáng;	
	- Tuổi thọ đèn ≥ 50.000 giờ;	
3	Mâm xoay vật kính:	
	- Có ≥ 6 vị trí để lắp vật kính	
	- Điều chỉnh được khoảng cách giữa để nhìn thấy hình ảnh tổng thể đồng nhất (<i>điều chỉnh khoảng cách đồng từ giữa 2 ống kính quan sát</i>).	
4	Đầu quan sát:	
	- Loại ≥ 3 mắt (có cổng kết nối Camera)	
5	Thị kính:	
	- Thị kính loại 10X;	
	- Độ rộng quang trường F.N (hoặc vi trường F.O.V) : $\geq 22\text{mm}$;	
	- Có hiệu chỉnh Diop;	
6	Bàn di mẫu:	
	- Di chuyển được mẫu theo 2 trục X-Y, khoảng cách di chuyển bàn di mẫu theo 2 trục: $\geq (70 \times 50) \text{ mm}$	
	- Kích thước bàn di mẫu: $\geq (150 \times 150) \text{ mm}$;	
7	Bộ vật kính phẳng tiêu sắc:	
	- Vật kính phẳng tiêu sắc loại 4X hoặc 5X:	
	+ Độ mở ≥ 0.1	
	+ Khoảng cách làm việc: $\geq 12 \text{ mm}$	

	- Vật kính phẳng tiêu sắc loại 10X:
	+ Độ mở: ≥ 0.25
	+ Khoảng cách làm việc (W.D): Tối đa $\geq 4.5\text{mm}$
	Vật kính phẳng tiêu sắc loại 20X:
	+ Độ mở: ≥ 0.5
	+ Khoảng cách làm việc (W.D): Tối đa $\geq 2.0\text{mm}$
	- Vật kính phẳng tiêu sắc loại 40X:
	+ Độ mở: ≥ 0.75
	+ Khoảng cách làm việc (W.D): Tối đa $\geq 0.50\text{ mm}$
	- Vật kính phẳng tiêu sắc loại 100X dầu:
	+ Độ mở: ≥ 1.25 ;
	+ Khoảng cách làm việc (W.D): Tối đa $\geq 0.15\text{ mm}$;
	+ Loại soi dầu;
8	Tụ quang:
	- Tụ quang dùng cho kỹ thuật trường sáng, độ mở ≥ 0.9
9	Tiêu cự:
	- Điều chỉnh tiêu cự bằng núm xoay.
	- Có chỉnh thô và chỉnh tinh:
	+ Vạch chỉnh tinh: $\leq 0.2\text{mm/vòng}$
	+ Hành trình chỉnh thô $\geq 20\text{ mm}$
10	Phụ kiện dùng cho ≥ 4 người cùng quan sát kiểu bên:
	- Chân đế dùng cho các quan sát viên
	- Ống nối cho người quan sát phụ
	- Đầu quan sát loại 2 mắt, góc nhìn $\geq 30^\circ$
	- Thị kính loại 10X, đường kính vi trường rộng $\geq 22\text{ mm}$
11	Camera:
	- Loại cảm biến: Cảm biến CMOS màu
	- Tốc độ khung hình: ≥ 30 khung hình/giây
	- Độ phân giải: Tối đa $\geq 5\text{ MP}$
	- Kích thước điểm ảnh: $\leq 3.5 \times 3.5\text{ }\mu\text{m}$.
	- Thời gian phơi sáng:
	+ Tối thiểu $\leq 100\text{ }\mu\text{s}$;
	+ Tối đa $\geq 1.0\text{ s}$;
	- Có các chức năng nâng cao hình ảnh:
	+ Khử nhiễu,

	+ Làm sắc nét,
	+ Cân bằng trắng hoặc tối ưu màu sắc tự động.
12	Bộ máy tính để bàn:
	- Bao gồm đầy đủ màn hình hiển thị, chuột, bàn phím, dây (case) máy tính
	- CPU: Core i5 hoặc tương đương trở lên.
	- Card đồ họa (loại rời)
	- Ổ cứng lưu trữ: Dung lượng ≥ 500 GB
	- RAM: loại 8G trở lên
	- Hệ điều hành có bản quyền;
	- Có phần mềm phân tích/xử lý ảnh (có bản quyền):
	+ Chức năng so sánh hình ảnh
	+ Chụp ảnh, quay phim, quan sát ảnh động.
	+ Quan sát theo lớp hoặc quan sát tổng quan ảnh
	- Màn hình:
	+ Loại màn hình màu LCD hoặc LED hoặc TFT hoặc tương đương
	+ Kích thước (đường chéo): ≥ 22 inch
	+ Độ phân giải: $\geq 1900 \times 1000$ điểm ảnh (hoặc Full HD trở lên)
13	Khả năng nâng cấp:
	- Kính hiển vi huỳnh quang có ≥ 6 vị trí lắp khối lọc huỳnh quang
	- Kính hiển vi dùng cho kỹ thuật nền đen, phản pha, phân cực, DIC.
IV YÊU CẦU KHÁC	
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện
	- Có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.
	- Đối với thiết bị chính: Phải có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực;
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng

	sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Cam kết có khả năng cung cấp giấy phép bán hàng hoặc giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương trong trường hợp được xem xét trúng thầu và ký hợp đồng.
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa; + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi); + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo);
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ≥ 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian thực hiện: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

6. Kính hiển vi quang học 2 mắt

I	YÊU CẦU CHUNG	
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Hàng mới 100%;	
	+ Nhà sản xuất thiết bị chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	
	+ Thiết bị đạt chứng nhận CE (European Conformity) hoặc FDA (Food and Drug Administration);	
	- Nguồn điện sử dụng: 220VAC/50Hz	
	- Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$	
	+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$	
	- Yêu cầu xuất xứ: Ưu tiên thiết bị sản xuất tại Nhóm các nước G7	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH	Số lượng
	Kính hiển vi quang học 2 mắt kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 07 Cái
	Cấu hình tối thiểu mỗi cái gồm:	
	- Thân kính hiển vi kèm nguồn sáng đèn LED	: 01 Cái
	- Thị kính 2 mắt loại 10X	: 01 Bộ
	- Mâm gắn vật kính	: 01 Cái
	- Vật kính phẳng chống mốc:	: 01 Bộ
	Bao gồm:	
	+ Vật kính phẳng chống mốc loại 4X (hoặc 5X)	: 01 Cái
	+ Vật kính phẳng chống mốc loại 10X	: 01 Cái
	+ Vật kính phẳng chống mốc loại 20X	: 01 Cái
	+ Vật kính phẳng chống mốc loại 40X	: 01 Cái
	+ Vật kính phẳng chống mốc loại 100X, soi dầu	: 01 Cái
	- Tụ quang	: 01 Cái
	- Bàn để mẫu kèm theo bộ phận di mẫu	: 01 Cái
	- Dầu soi	: 01 Lọ
	- Bao máy	: 01 Cái
	- Dây điện nguồn	: 01 Cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 Bộ
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	
1	Hệ quang học:	
	- Là loại kính hiển vi quang học có hệ thống quang học vô tiêu hoặc vô cực.	
	- Độ dài tiêu cự vật kính : Tối đa $\leq 50\text{mm}$	

2	Đầu quan sát: - Đầu quan sát hai thị kính điều chỉnh được khoảng cách giữa hai đồng tử : Tối thiểu $\leq 55\text{mm}$, và tối đa $\geq 75\text{ mm}$; - Có vòng chỉnh độ diop hoặc được cài đặt Diop sẵn ;
3	Thị kính: - Thị kính chống mốc loại 10X, - Độ rộng quang trường F.N (hoặc vi trường F.O.V) : $\geq 20\text{mm}$. - Góc nhìn $\geq 30^\circ$. - Các thị kính có điều chỉnh độ Diop hoặc được cài đặt sẵn Diop.
4	Mâm gắn vật kính - Dạng mâm xoay, có ≥ 6 vị trí lắp vật kính
5	Vật kính: - Vật kính phẳng chống mốc loại 4X (hoặc 5X) : + Độ mở : ≥ 0.10 ; + Khoảng cách làm việc (W.D) : $\geq 12.0\text{ mm}$; - Vật kính phẳng chống mốc loại 10X : + Độ mở ≥ 0.25 ; + Khoảng cách làm việc (W.D) : $\geq 4.5\text{ mm}$; - Vật kính phẳng chống mốc loại 20X : + Độ mở ≥ 0.4 ; + Khoảng cách làm việc (W.D) : $\geq 0.9\text{ mm}$; - Vật kính phẳng chống mốc loại 40X : + Độ mở ≥ 0.65 ; + Khoảng cách làm việc (W.D) : $\geq 0.45\text{mm}$; - Vật kính phẳng chống mốc loại 100X : + Độ mở ≥ 1.25 ; + Khoảng cách làm việc : $\geq 0.15\text{ mm}$; + Loại soi dầu ;
6	Bàn để mẫu: - Có núm di chuyển tiêu bản loại đồng trục ; - Kích thước : $\geq 145 \times 145\text{ mm}$; - Có bộ phận giữ mẫu và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y, hành trình di chuyển mẫu $X \times Y : \geq 70 \times 50\text{ mm}$; - Khả năng gắn nhiều lam kính cùng lúc : ≥ 2 lam kính
7	Tự quang: - Màn chắn sáng điều chỉnh được

8	Nguồn sáng:
	- Loại đèn LED ;
	- Công suất : ≥ 0.5 W ;
	- Tuổi thọ : ≥ 20.000 giờ,
9	Tiêu cự:
	- Có điều chỉnh tiêu cự thô và tinh.
	- Giới hạn điều chỉnh tiêu cự ≥ 15 mm hoặc có cơ cấu giới hạn chỉnh tiêu cự ;
	- Chỉnh tinh với độ dịch chuyển : Tối thiểu ≤ 0.4 mm/vòng xoay ;
10	Khả năng nâng cấp :
	- Có khả năng nâng cấp lên kính hiển vi dùng cho kỹ thuật nền đen, phản pha, huỳnh quang.
IV YÊU CẦU KHÁC	
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
	- Có đầy đủ đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Đối với thiết bị y tế: Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi) + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo)
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn

	phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian thực hiện: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực



12
12
N
B
12

Ghi chú:

a. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

- Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị:

+ Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu và khuyến cáo của nhà sản xuất để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao nhận cuối cùng (khoa, phòng).

+ Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm hàng hóa và các dịch vụ liên quan theo các quy định pháp luật hiện hành. Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

+ Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.

b. Chất lượng hàng hóa và các yêu cầu khác:

- Thiết bị phải mới 100%, bao gồm thiết bị chính, thiết bị phụ trợ (nếu có) và phụ kiện đi kèm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /459 /VĐ-VTTBYT ngày 5 tháng 3 năm 2026)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số: /VĐ-VTTBYT ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT) ⁽⁸⁾ (VND)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT) ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp quy định].
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.